TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS - ST
Ngày 27-8-2025
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Bế Văn Toàn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Tha Mlô;
2. Ông Hoàng Duy Thanh;

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST - DS ngày 15 tháng 01 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 19/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Quang T, sinh năm 1964. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, (xã Q cũ), xã E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Văn Hoàng D và bà Nguyễn Thị V. (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Thôn H, (xã Q cũ), xã E, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Quang T trình bày:**

- Ngày 07/6/2017 tôi có cho bà Nguyễn Thị V mượn số tiền 48.840.000đ *(Bốn mươi tám triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng)*. Ngày 07/6/2019 bà V mượn tôi 02 tấn cà phê nhân quy chuẩn. Đến ngày 22/01/2020 ông Văn Hoàng D là chồng bà V

đã trả được cho tôi 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* và hứa bán đất thì trả đủ. Nhưng khi bán đất thì bà V mới trả cho tôi 50.000.000đ *(Năm mươi triệu)*. Còn lại hứa làm giấy tờ sang nhượng xong thì lấy tiền thanh toán đủ nhưng đến cuối năm 2024 ông bà vẫn không trả, khi tôi xuống nhà thì ông bà nói trả vậy là được rồi. Với số tiền ông D, bà V trả cho tôi tổng cộng là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), trừ đi số tiền vay của tôi là 48.840.000, còn lại 21.160.000đ trừ vào số cà phê đã mượn của tôi 2.000kg, tại thời điểm bà V trả là ngày 16/01/2022 giá cà phê là 41.700đ/kg, là 507,43kg, số cà phê còn nợ lại là 1.492,57kg. Vậy nay tôi đề nghị tòa án giải quyết yêu cầu ông D, bà V trả cho tôi 1.492,57kg cà phê nhân còn nợ. Trường hợp không trả cà phê thì đề nghị trả tiền cho tôi theo giá thị trường.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Tôi trước đây có ứng của vợ chồng ông Bảy T1 và số tiền. Sau đó vợ chồng Bảy T1 có xuống nhà tôi làm việc, vì cà phê năm đó chỉ có giá từ 28.000đ đến 30.000đ/kg nên vợ chồng ông T1 nói thôi tôi quy ra chỉ lấy 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Sau đó chồng tôi có trả 20.000.000đ, còn tôi trả 50.000.000đ, số tiền còn nợ lại là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn) là đúng sự thật. Tôi xin khai đây là đúng sự thật nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*** Bị đơn ông Văn Hoàng D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.**

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; Thẩm phán còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử.

+ Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS;

+ Bị đơn không chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 72, BLTTDS;

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463; Khoản 1 Điều 465; Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị V và ông Văn Hoàng D phải trả số cà phê nhân còn nợ là 1.483,9kg.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông D, bà V trả 1.492,57kg cà phê nhân vay ngày 07/6/2017. HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", được quy định tại khoản 2 Điều 26 của BLTTDS. Tại thời điểm khởi kiện, ông D, bà V trú tại xã E. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk áp dụng điểm a khoản

1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ Điều 227 BLTTDS tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét về nội dung vụ án:

Ngày 07/6/2017 bà Nguyễn Thị V và ông Võ Quang Trung L giấy vay nợ, theo đó bà V vay ông T1 số tiền 48.840.000đ, hẹn đến ngày 20/12/2018 trả toàn bộ số tiền trên, giấy vay không thể hiện thỏa thuận lãi suất.

Ngày 07/6/2019 bà Nguyễn Thị V và ông Võ Quang Trung L giấy vay nợ, theo đó bà V vay ông T1 2.000kg cà phê, hẹn đến ngày 22/12/2019 trả toàn bộ số cà trên, giấy vay không thể hiện thỏa thuận lãi suất.

Đến ngày 22/01/2022 ông Văn Hoàng D trả cho ông T1 số tiền 20.000.000đ theo giấy giao tiếp ngày 22/01/2020. Điều này cũng được bà V (Vợ của ông D, khai nhận ông D có trả cho ông T1 20.000.000đ) và được ông T1 thừa nhận và khấu trừ vào số tiền vay. Đến ngày 16/01/2022 âm lịch, bà V trả cho ông T1 số tiền 50.000.000đ, ông T1 có ghi lại trong hóa đơn nhận tiền, điều này cũng phù hợp với lời trình bày của bà V. Tuy nhiên, số tiền ông D và bà V trả cho ông T1 tổng cộng 70.000.000đ nhưng bà V và ông D chỉ nợ tiền mặt ông T1 là 48.840.000đ, do đó số tiền còn dư là (70.000.000đ - 48.840.000đ) = 21.160.000đ. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, ông T1 yêu cầu tính giá cà phê 41.700đ/kg (thời điểm bà V trả tiền ngày 16/01/2022). Tuy nhiên theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ý kiến về vụ án ngày 25/8/2025 mà ông T1 nộp thì ông T1 đề nghị giảm xuống và tính 41.000đ/kg cà phê nhân xô, HĐXX xét thấy việc giảm giá là có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận thay đổi này của ông T1. Số tiền 21.160.000đ : 41.000đ/kg = 516,097kg; Số cà phê bà V vay 2.000kg – 516,097kg = 1.483,9kg. Vậy số cà phê mà bà V còn nợ ông T1 là 1.483,9kg.

Quá trình giải quyết vụ án bà V cho rằng vợ chồng ông T1 nói đã quy đổi số cà phê thành tiền và chỉ lấy 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, ông T1 cũng không thừa nhận nên việc quy đổi này là không có căn cứ như bà V trình bày. Do đó việc vợ chồng bà V chỉ trả được 70.000.000đ cho ông T1 là chưa hoàn thành nghĩa vụ của bên vay, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Võ Quang T.

Đối với ông Văn Hoàng D, tuy không ký trong giấy vay tiền và vay cà phê, nhưng việc bà V vay là để phục vụ kinh tế gia đình, đồng thời ông D cũng tham gia trả nợ cho ông T và hẹn sẽ trả nợ cho ông T vào vụ cà phê năm 2020 nên việc vay nợ của bà V cũng được ông D xác định là để phục vụ kinh tế chung của gia đình nên cần buộc ông D có trách nhiệm cùng bà V trả số cà phê 1.483,9kg cho ông T là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận: 1.483,9kg x 122.000đ/kg = 181.035.800đ; Số tiền 181.035.800đ x 5% = 9.051.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Khoản 1 Điều 465; Điều 466 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quang T. Buộc ông Văn Hoàng D và bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông Võ Quang T 1.483,9kg cà phê nhân xô.

[2]. Về án phí: Ông Văn Hoàng D và bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.051.000đ (*Chín triệu không trăm năm mươi một ngàn đồng*).

Ông Võ Quang T được miễn án phí theo Thông báo số 21/TB-TA ngày 15/01/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk
- VKSND Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bế Văn Toàn